

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 7 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Hương.

Ông Phạm Văn Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận, là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST - HPT ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng Tr., sinh năm: 1994; HKTT: Thôn A.X, xã A.V, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên; Địa chỉ hiện nay: Số 6/46 đường T.T, phường Q.T, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên; “có mặt”

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn A., sinh năm: 1987; HKTT: Thôn A.X, xã A.V, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên; Hiện cư trú và làm việc tại Đài Loan “vắng mặt”

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Phạm Tuấn T., sinh ngày 09/8/2010 và cháu Phạm Chi M., sinh ngày 03/4/2012; Điều địa chỉ: Thôn A.X, xã A.V, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên; “vắng mặt”

Người giám hộ cho cháu T. và cháu Chi: anh Phạm Văn A. và chị Trần Thị Hồng Tr., là bố, mẹ.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phạm Thị L., sinh năm: 1956; “*vắng mặt*”

Địa chỉ: Thôn A.X, xã A.V, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Đào Thị Th., sinh năm: 1970; “*vắng mặt*”

Địa chỉ hiện nay: Số 6/46 đường T.T, phường Q.T, thành phố H.Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 25 tháng 4 năm 2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng Tr. trình bày: Chị và anh A. chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010. Sau đó đến ngày 18/03/2013 chị và anh Phạm Văn A. đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A.V, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên. Chị và anh A. chung sống tại gia đình bà L. tại thôn A.X, xã A.V, huyện T.L, tỉnh Hưng Yên. Năm 2013 anh Phạm Văn A. đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, cũng thời gian này chị mang cháu M. về nhà ở với bố mẹ đẻ, còn cháu T. ở với bà L., mẹ anh A.. Thời gian đầu anh A. vẫn liên lạc về với chị, đến giữa năm 2014 chị và anh A. phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do chị và anh A. bất đồng quan điểm về lối sống, anh A. không gửi tiền về cho chị nuôi con, chị và anh A. thường xuyên cãi chửi nhau, chị và anh A. không còn liên lạc với nhau từ tháng 01 năm 2023. Chị xác định không còn tính cảm với anh A., mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Tuấn T., sinh ngày 09/8/2010 và cháu Phạm Chi M., sinh ngày 03/4/2012. Hiện cả hai cháu đang ở với bà L.. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án cho chị nuôi cháu M. cho đến khi cháu M. đủ 18 tuổi. Chị nhất trí cho anh A. nuôi dưỡng và chăm sóc cháu T. cho đến khi cháu T. đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng và các vấn đề khác: Chị Tr. xác định vợ chồng chưa có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung và không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn A. đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần thông qua bà L. nhận thay nhưng đều vắng mặt và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại lời khai của bà L. trình bày anh A. điện thoại về cho bà, anh A. cho biết anh nhất trí ly hôn với chị Tr., anh A. xin nuôi hai con chung; về tài sản, nợ nần và các vấn đề khác anh A. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Tuấn T. trình bày: Cháu sống cùng bố và bà nội, nếu bố mẹ ly hôn cháu đề nghị được sống cùng bố. Cháu T. đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Chi M. trình bày tại đơn xin xác nhận ngày 05/5/2023 và biên bản lấy lời khai cháu M., cháu trình bày : Cháu sống cùng bố và bà nội, nếu bố mẹ ly hôn cháu đề nghị được sống cùng mẹ. Tại đơn xin xác nhận của cháu M. ngày 21/5/2023, cháu M. lại xin được ở với bố và bà nội. Cháu M. đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng bà Đào Thị Th. trình bày, bà là mẹ chị Tr., bà công nhận lời khai của chị Tr. về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và trình bày thời gian chung sống vợ chồng đã bất đồng quan điểm sống, không thống nhất về kinh tế gia đình, không thống nhất về nuôi con và đã sống ly thân nhau. Nay chị Tr. và anh A. không còn tình cảm với nhau, bà đề nghị Tòa án cho anh A. và chị Tr. ly hôn nhau. Vợ chồng có hai con là cháu Phạm Tuấn T., sinh ngày 09/8/2010 và cháu Phạm Chi M., sinh ngày 03/4/2012, bà đề nghị Tòa án giải quyết con chung của anh chị theo nguyện vọng của các cháu và đề nghị của anh chị. Chị Tr. và anh A. không có công sức gì với gia đình bà. Bà Th. đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng bà Phạm Thị L. trình bày bà công nhận lời khai của chị Tr. về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị là do chị Tr. không chung thủy với anh A., chị Tr. không quan tâm gì đến anh A. và các con, nay anh chị không còn tình cảm và đã sống ly thân nhau nên bà nhất trí cho anh chị ly hôn nhau. Chị Tr. và anh A. có hai con chung là cháu Phạm Tuấn T., sinh ngày 09/8/2012 và cháu Phạm Chi M., sinh ngày 03/4/2012. Khi ly hôn bà đề nghị Tòa án cho anh A. được nuôi hai con chung. Chị Tr. và anh A. không có công sức đóng góp gì với gia đình bà. Do anh A. đang lao động tại Đài Loan bà xin nhận trách nhiệm nuôi các cháu cho đến khi anh A. về nước. Bà L. đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ủy ban nhân dân xã A.V cung cấp: Anh Phạm Văn A. và chị Trần Thị Hồng Tr. đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A.V, huyện T.L ngày 18 tháng 3 năm 2013, trong quá trình anh chị chung sống đã phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, về lối sống, đã sống ly thân nhau; con chung của anh chị là cháu Phạm Tuấn T., sinh ngày 09/8/2012 và cháu Phạm Chi M., sinh ngày 03/4/2012 đang sống cùng bà L. tại thôn A.X, xã A.V, huyện T.L. UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và con chung theo quy định của pháp luật.

Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp: Phạm Văn A. sinh ngày 16/3/1987 tại Hưng Yên sử dụng hộ chiếu B742586 để xuất cảnh ngày 07/4/2013 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa nhập cảnh

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Tr. giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị cương quyết xin ly hôn với anh A., chị xin nuôi cháu M. cho đến khi cháu M. đủ 18 tuổi, chị nhất trí cho anh A. nuôi cháu T. cho đến khi cháu T.

đủ 18 tuổi, và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung và công sức của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và các đương sự đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Hồng Tr., cho chị Tr. ly hôn anh Phạm Văn A.. Giao chị Tr. nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Chi M., sinh ngày 03/4/2012 cho đến khi cháu M. đủ 18 tuổi, giao anh A. nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Tuấn T., sinh ngày 09/8/2010 cho đến khi cháu T. đủ 18 tuổi. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và các vấn đề khác không đặt ra giải quyết. Chị Tr. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Văn bản số 10961/QLXNC-P5 ngày 12/5/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Phạm Văn A. thì Phạm Văn A. sinh ngày 16/3/1987 tại Hưng Yên sử dụng hộ chiếu B742586 để xuất cảnh ngày 07/4/2013 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa nhập cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại Điều 35, và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Phạm Văn A. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, việc triệu tập thông qua bà L., mẹ anh A. nhận hộ và bà L. cam kết giao cho anh A. nhưng anh A. vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Trần Thị Hồng Tr. và anh Phạm Văn A. kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A.V, huyện T.L ngày 18 tháng 3 năm 2013 nên hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận. Lời khai của chị Tr. phù hợp với lời khai của người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và cung cấp của Ủy ban nhân dân xã A.V đã có căn cứ xác định quá trình chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn do không tin tưởng nhau và không thống nhất trong xây dựng kinh tế gia đình, về nuôi dạy con cái. Vợ chồng đã sống mỗi người một nơi từ năm 2013, bỏ mặc không

còn quan tâm chăm lo đến nhau chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài do đó yêu cầu ly hôn của chị Tr. là phù hợp với thực trạng hôn nhân của vợ chồng nên được chấp nhận.

[3] Con chung của anh chị là cháu Phạm Tuấn T., sinh ngày 09/8/2012 và cháu Phạm Chi M., sinh ngày 03/4/2012. Cháu T. có nguyện vọng ở với bố, cháu M. có nguyện vọng với chị Tr., mặc dù đơn xin xác nhận ngày 21/5/2023 cháu M. thay đổi xin ở với bố những hiện nay anh A. vẫn đang lao động nước ngoài, chị Tr. xin được nuôi cháu M. nên đề đảm bảo quyền lợi cho các cháu sẽ giao chị Tr. nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Chi M., sinh ngày 03/4/2012 cho đến khi cháu M. đủ 18 tuổi, giao anh A. nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Tuấn T., sinh ngày 09/8/2010 cho đến khi cháu T. đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L. nuôi dưỡng cháu T. cho đến khi anh A. về nước. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Chị Tr. không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung của vợ chồng cùng các vấn đề khác và anh A. không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Chị Tr. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 3 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng Tr..

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hồng Tr. ly hôn anh Phạm Văn A..

2. Con chung: Giao cho chị Tr. nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Chi M., sinh ngày 03/4/2012 cho đến khi cháu M. đủ 18 tuổi. Giao cho anh A. nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Tuấn T., sinh ngày 09/8/2010 cho đến khi cháu T. đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L. nuôi dưỡng cháu T. cho đến khi anh A. về nước. Chị Tr. và anh A. không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Chị Tr. và anh A. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở chị Tr. và anh A. thực hiện quyền này; nếu chị Tr. và anh A. lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con.

Chị Tr. và anh A. hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Trần Thị Hồng Tr. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000258 ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên; chị Tr. đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Chị Tr. được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn A. được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã A.V;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quang Tú